TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T T** TỈNH LONG A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2021
"V/v trAh chấp L hôn."

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T -TỈNH LONG A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn D.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị N.

2/ Bà Nguyễn Ngọc N.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L, thư ký Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh Long A.

Ngày 11 tháng 01 N 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 02-11-2020 về việc "Xin L hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 N 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 N 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Lệ Th, sinh N 1969.

Nơi cư trú: Ấp Đá B, xã Kiến B, huyện T T, tỉnh Long A.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Văn Th, sinh N: 1964.

Nơi cư trú: Ấp Đá B, xã Kiến B, huyện T T, tỉnh Long A.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin L hôn và bản tự khai ngày 13 tháng 08 N 2020, bà Võ Thị Lệ Th trình bày: Vào N 1982 tôi có đăng ký kết hôn với ông Lê Văn Th, tại Ủy bA nhân dân xã Kiến B, huyện T T, tỉnh Long A. Quá trình chung sống hơn 30 N xảy ra nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên tôi vẫn cố gắng duy trì cuộc sống gia đình. Chồng tôi là ông Lê Văn Th nhậu say về nhiều lần chửi bới, đánh đập tôi mặc dù tôi đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng chồng tôi, vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên nhậu say về chửi bới, hâm dọa, bạo hành tôi, làm ảnh hưởng nghiêm

trọng tâm lý cho tôi. Tôi nhận thấy đời sống chung không còn hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện T T giải quyết cho tôi được L hôn với ông Lê Văn Th.

Về con chung: Tôi và ông Th có 5 người con gồm Lê Văn Tuấn, sinh ngày 05-03-1990; Lê Văn Tú, sinh ngày 02-10-1992; Lê Văn T, sinh ngày 02-02-1994; Lê Văn Tuyến, sinh ngày 03-06-1996; Lê Văn Tiền, sinh ngày 05-02-2000 hiện nay các con hiện nay đã trường thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Văn Th***:** Ngày 17/08/2020 Ủy bA nhân dân xã Kiến B xác nhận ông Lê Văn Th hiện đAg cư ngụ tại ấp Đá B, xã Kiến B, huyện T T, tỉnh Long A. Tòa án nhân dân huyện T T đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án ngày 02/11/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 ngày 02/11/2020, lần 2 ngày 20/11/2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 07/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 24/12/2020 đúng theo quy định tại Điều 173, 174, 179 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nhưng ông Lê Văn Th cố tình lánh mặt nên trong hồ sơ không thể hiện được lời khai của ông Trần Văn Khen Tòa án tiến hành xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị Lệ Th yêu cầu L hôn với ông Lê Văn Th. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xác định quA hệ pháp luật trAh chấp là "*L hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh Long A.

Tại phiên tòa hôm nay bà Võ Thị Lệ Th không thay đổi yêu cầu, không rút đơn khởi kiện. Bà Th tiếp tục yêu cầu xin được L hôn với ông Th.

Về con chung: Hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về nội dung vụ kiện:

2.1 Về quA hệ hôn nhân: Vào N 1982 bà Th có đăng ký kết hôn với ông Lê Văn Th, tại Ủy bA nhân dân xã Kiến B, huyện T T, tỉnh Long A. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù bà Th vẫn cố gắng duy trì cuộc sống gia đình. Nhưng do ông Lê Văn Th nhậu say về nhiều lần chưởi bới, đánh đập vợ con, mặc dù bà Th đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng ông Th, vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên nhậu say về chửi bới, hâm dọa, bạo hành, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tâm lý cho bà Th.

Hiện nay bà Th xét thấy tình cảm giữa bà và ông Th không còn nữa nên bà Th tiếp tục yêu cầu được L hôn với ông Th.

Ủy bA nhân dân xã Kiến B xác nhận ông Lê Văn Th đAg có cư trú tại ấp Đá B, xã Kiến B, huyện T T, tỉnh Long A. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Th không đến cũng như không có ý kiến phản hồi. Điều này cho thấy ông Th cũng không còn tha thiết đối với quA hệ hôn nhân giữa ông và bà Th nữa.

Xét thấy trình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin được L hôn của bà Võ Thị Lệ Th với ông Lê Văn Th.

2.2. Về con chung: Bà Th sống với ông Th được 5 con chung hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét việc nuôi dạy con chung.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không xem xét.

*2.4.*Về nợ chung chung: Không có, không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Võ Thị Lệ Th phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình số 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin L hôn của bà Võ Thị Lệ Th đối với ông Lê Văn Th.

Bà Võ Thị Lệ Th được L hôn với ông Lê Văn Th.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Lệ Th phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo B lai thu số 0001224 ngày 02 tháng 11 N 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T T, tỉnh Long A thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết bản án tại nơi cư trú của bị đơn.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Long A;
- VKSND huyện T T;
- THADS huyện T T;
- UBND xã Kiến B, huyện T T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn D